NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 4309 /HD-NHCS	*Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 2026*

HƯỚNG DẪN
Nghiệp vụ cho vay đối với người chấp hành xong án phạt tù

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị định số 06/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Quy định về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH);

Căn cứ Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù;

Căn cứ Quyết định số 44/2026/QĐ-TTg ngày 16 tháng 9 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù;

Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với người chấp hành xong án phạt tù như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với người chấp hành xong án phạt tù, cơ sở sản xuất kinh doanh có sử dụng người lao động là người chấp hành xong án phạt tù (CHXAPT) được vay vốn từ NHCSXH, bao gồm:

a) Người CHXAPT được vay vốn để đào tạo nghề, sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm và đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

b) Cơ sở sản xuất kinh doanh có sử dụng người lao động là người CHXAPT được vay vốn để sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm.

1.2. Đối tượng áp dụng

a) Khách hàng vay vốn là tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng vay vốn quy định tại khoản 2 văn bản này.

b) Đơn vị, cá nhân thuộc NHCSXH.

c) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

2. Đối tượng vay vốn

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg, cụ thể:

2.1. Người CHXAPT bao gồm: người chấp hành xong thời hạn chấp hành án phạt tù đã được cấp giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù quy định tại Luật Thi hành án hình sự và người được đặc xá đã được cấp giấy chứng nhận đặc xá quy định tại Luật Đặc xá.

2.2. Cơ sở sản xuất kinh doanh bao gồm: doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh có sử dụng lao động là người CHXAPT.

3. Điều kiện vay vốn

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg và khoản 2 Điều 1 Quyết định số 44/2026/QĐ-TTg, cụ thể:

3.1. Đối với người CHXAPT

Có nhu cầu vay vốn; có tên trong danh sách người CHXAPT về cư trú tại địa phương, chấp hành tốt các quy định của pháp luật, không tham gia các tệ nạn xã hội, do Công an cấp xã lập và được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận trên Mẫu số 01 kèm theo Quyết định 44/2026/QĐ-TTg. Thời gian kể từ khi chấp hành xong án phạt tù đến thời điểm vay vốn tối đa là 10 năm. Trường hợp vay vốn để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thì người CHXAPT đã ký kết hợp đồng với doanh nghiệp dịch vụ, đơn vị sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo quy định của pháp luật.

3.2. Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh

Được thành lập và hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật; sử dụng tối thiểu 10% tổng số lao động là người CHXAPT đáp ứng các điều kiện nêu tại điểm 3.1 khoản 3 văn bản này và ký hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật về lao động; có phương án vay vốn và được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện phương án xác nhận (theo Mẫu số 02 kèm theo Quyết định số 44/2026/QĐ-TTg).

3.3. Trường hợp người CHXAPT và cơ sở sản xuất kinh doanh đang có dư nợ các chương trình tín dụng khác có cùng mục đích sử dụng vốn vay để đào tạo nghề và sản xuất kinh doanh, tạo việc làm thì tổng dư nợ cho vay của người CHXAPT, cơ sở sản xuất kinh doanh theo văn bản hướng dẫn này và các chương trình tín dụng khác có cùng mục đích không vượt quá mức cho vay tối đa theo quy định tại khoản 7 văn bản này.

4. Nguyên tắc vay vốn

4.1. Khách hàng vay vốn phải sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay theo quy định tại khoản 5 văn bản này.

4.2. Khách hàng vay vốn phải trả nợ gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn theo thỏa thuận với NHCSXH trên Hợp đồng tín dụng/Sổ vay vốn.

5. Mục đích sử dụng vốn vay

Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg và khoản 4 Điều 1 Quyết định số 44/2026/QĐ-TTg, cụ thể:

5.1. Đối với vay vốn để đào tạo nghề

Chi phí cho việc học tập, sinh hoạt của người CHXAPT trong thời gian theo học tại các cơ sở đào tạo nghề được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam. Chi phí này bao gồm: tiền học phí; chi phí mua sắm sách vở, phương tiện học tập; chi phí ăn, ở, đi lại.

5.2. Đối với vay vốn để sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm

Chi phí để sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm gồm chi phí cho việc thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm.

5.3. Đối với vay vốn để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động

Chi trả các khoản chi phí người CHXAPT phải trả trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo quy định được ghi trong hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài ký kết giữa khách hàng và doanh nghiệp dịch vụ, đơn vị sự nghiệp được Nhà nước cho phép đưa người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

6. Phương thức cho vay

Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg và khoản 3 Điều 1 Quyết định số 44/2026/QĐ-TTg, cụ thể:

6.1. Đối với người CHXAPT

a) Thực hiện cho vay thông qua hộ gia đình. Đại diện hộ gia đình của người CHXAPT là người đứng tên vay vốn và giao dịch với NHCSXH. Trường hợp trong hộ gia đình không còn thành viên nào từ đủ 18 tuổi trở lên hoặc những thành viên còn lại không còn sức lao động, không có đủ năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật thì người CHXAPT trực tiếp đứng tên vay vốn tại NHCSXH.

b) NHCSXH nơi cho vay thực hiện cho vay theo phương thức trực tiếp có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay thông qua tổ chức chính trị - xã hội.

c) Riêng đối với người CHXAPT là người lao động vay vốn để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, NHCSXH nơi cho vay áp dụng phương thức cho vay trực tiếp đến khách hàng

6.2. Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh

NHCSXH nơi cho vay thực hiện cho vay trực tiếp.

7. Mức vốn cho vay

Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Quyết định số 44/2026/QĐ-TTg, cụ thể:

7.1. Đối với vay vốn để đào tạo nghề

Mức vốn cho vay tối đa là 10 triệu đồng/tháng/người CHXAPT

7.2. Đối với vay vốn để sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm

a) Người CHXAPT: mức vốn cho vay tối đa là 200 triệu đồng/người CHXAPT.

b) Cơ sở sản xuất kinh doanh: mức vốn cho vay tối đa là 10 tỷ đồng/dự án và không quá 200 triệu đồng/người lao động tại cơ sở sản xuất kinh doanh.

c) Người CHXAPT, cơ sở sản xuất kinh doanh có thể vay vốn một hoặc nhiều lần để sản xuất, kinh doanh và tạo việc làm nhưng tổng số tiền vay không vượt quá mức vay tối đa theo quy định tại tiết a và b điểm 7.2 khoản 7 văn bản này.

7.3. Đối với vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

Mức cho vay tối đa là 100% tổng chi phí khách hàng phải trả trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài ký kết giữa người lao động và doanh nghiệp dịch vụ, đơn vị sự nghiệp được Nhà nước cho phép, không bao gồm các khoản chi đã được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định.

Căn cứ vào nguồn vốn, tổng chi phí người lao động phải trả trước khi đi làm việc ở nước ngoài, các khoản chi đã được ngân sách nhà nước hỗ trợ kê khai tại hồ sơ vay vốn và khả năng trả nợ của đối tượng vay vốn, NHCSXH nơi cho vay thỏa thuận thống nhất với đối tượng vay vốn để xem xét, quyết định mức vay cụ thể.

8. Lãi suất cho vay

Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg, cụ thể:

8.1. Lãi suất cho vay bằng lãi suất cho vay đối với hộ nghèo quy định theo từng thời kỳ.

8.2. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

9. Thời hạn cho vay

Thực hiện theo quy định tại Điều 8 Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg và khoản 6 Điều 1 Quyết định số 44/2026/QĐ-TTg, cụ thể:

9.1. Đối với vay vốn để đào tạo nghề

a) Thời hạn cho vay là khoảng thời gian được tính từ ngày khách hàng vay vốn bắt đầu nhận vốn vay cho đến ngày trả hết nợ (gốc và lãi). Thời hạn cho vay

bao gồm thời hạn phát tiền vay và thời hạn trả nợ.

b) Thời hạn phát tiền vay là khoảng thời gian tính từ ngày khách hàng vay vốn nhận món vay đầu tiên cho đến ngày người CHXAPT kết thúc khoá học, kể cả thời gian người CHXAPT được các cơ sở đào tạo nghề cho phép nghỉ học có thời hạn và được bảo lưu kết quả học tập (nếu có).

c) Thời hạn trả nợ được chia thành các kỳ hạn trả nợ do NHCSXH quy định, như sau:

Đối với các chương trình đào tạo có thời gian đào tạo không quá một năm, thời hạn trả nợ tối đa bằng 02 lần thời hạn phát tiền vay.

Đối với các chương trình đào tạo khác, thời hạn trả nợ tối đa bằng thời hạn phát tiền vay.

9.2. Đối với vay vốn để sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm

Thời hạn cho vay tối đa 120 tháng. Thời hạn cho vay cụ thể do NHCSXH nơi cho vay xem xét, quyết định trên cơ sở căn cứ vào nguồn vốn, chu kỳ sản xuất, kinh doanh, khả năng trả nợ để thỏa thuận với khách hàng vay vốn.

9.3. Đối với vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

Thời hạn cho vay tối đa bằng thời hạn hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, không bao gồm thời gian gia hạn hợp đồng.

10. Bảo đảm tiền vay

Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg và khoản 7 Điều 1 Quyết định số 44/2026/QĐ-TTg, cụ thể:

10.1. Người CHXAPT vay vốn để đào tạo nghề và sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm không phải thực hiện bảo đảm tiền vay.

10.2. Đối với mức vay trên 200 triệu đồng, người CHXAPT vay vốn để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng lao động là người CHXAPT phải thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật và NHCSXH về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

11. Hồ sơ, quy trình thủ tục cho vay đối với người CHXAPT vay vốn để đào tạo nghề, sản xuất kinh doanh và đối với cơ sở sản xuất kinh doanh

11.1. Đối với người CHXAPT vay vốn để đào tạo nghề và sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm

a) Hồ sơ vay vốn

- Hồ sơ do khách hàng vay vốn lập và cung cấp:

+ Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/TD).

+ Giấy ủy quyền cho người đại diện hộ gia đình đứng tên vay vốn (mẫu số 01/UQ nếu có).

+ Giấy ủy quyền về việc vay vốn tại NHCSXH (mẫu số 03/UQ) (nếu có) (đối với trường hợp người CHXAPT vay vốn để đào tạo nghề).

+ Giấy xác nhận của cơ sở đào tạo theo quy định tại chương trình tín dụng đối với học sinh sinh viên (đối với trường hợp người CHXAPT vay vốn để đào tạo nghề).

- Hồ sơ do Tổ Tiết kiệm và vay vốn (TK&VV) lập:

+ Biên bản họp Tổ TK&VV (mẫu số 10C/TD).

+ Danh sách tổ viên đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD).

- Hồ sơ do NHCSXH nơi cho vay lập: Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD).

- Hồ sơ do NHCSXH nơi cho vay, khách hàng vay vốn cùng lập: Sổ vay vốn.

b) Quy trình, thủ tục cho vay

- Khách hàng vay vốn

Khách hàng vay vốn gửi hồ sơ quy định tại gạch đầu dòng thứ nhất, tiết a) điểm 11.1 khoản 11 văn bản này đến Tổ TK&VV nơi đang cư trú hợp pháp.

Trường hợp hộ gia đình có từ 02 người CHXAPT vay vốn trở lên thì mỗi người CHXAPT lập riêng một Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/TD). Khi lập Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay lưu ý: tại cột "Đối tượng" cần kê khai rõ tên của người CHXAPT, mối quan hệ giữa người CHXAPT với khách hàng vay vốn; kê khai mục đích sử dụng vốn vay của người CHXAPT.

- Tại Tổ TK&VV

+ Tổ TK&VV tổ chức họp bình xét cho vay dưới sự giám sát, chứng kiến của Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố và người đại diện tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác xã, phường, đặc khu (gọi chung là cấp xã). Trường hợp khách hàng vay vốn chưa là tổ viên Tổ TK&VV thì Tổ TK&VV tổ chức họp kết nạp bổ sung tổ viên.

+ Căn cứ kết quả họp bình xét cho vay, Tổ TK&VV lập Danh sách tổ viên đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD) kèm bộ hồ sơ vay vốn của khách hàng và biên bản họp Tổ TK&VV (mẫu số 10C/TD) trình UBND cấp xã xác nhận.

- Tại UBND cấp xã

Căn cứ bộ hồ sơ vay vốn do Tổ TK&VV gửi đến, UBND cấp xã thực hiện xác nhận trên Danh sách tổ viên đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD), sau đó gửi Tổ TK&VV để gửi NHCSXH nơi cho vay.

- Tại NHCSXH nơi cho vay

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ bộ hồ sơ vay vốn, cán bộ tín dụng được phân công thực hiện kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ vay vốn, đối chiếu tên người CHXAPT trong hồ sơ vay vốn với Danh sách người CHXAPT có nhu cầu và đủ điều kiện vay vốn NHCSXH (mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 44/2026/QĐ-TTg) do cơ quan có thẩm quyền lập và xác nhận. Nếu đảm bảo các yếu tố theo quy định thì trình Trưởng phòng Kế hoạch - Tín dụng/Tổ trưởng Tổ Kế hoạch – Tín dụng kiểm soát để trình Giám đốc NHCSXH nơi cho vay xem xét, phê duyệt.

NHCSXH nơi cho vay gửi Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD) cho Tổ TK&VV để thông báo cho khách hàng vay vốn đến trụ sở NHCSXH nơi cho vay hoặc Điểm giao dịch xã làm thủ tục nhận tiền vay theo quy định.

c) Giải ngân

Căn cứ bộ hồ sơ vay vốn đã được phê duyệt, NHCSXH nơi cho vay giải ngân cho khách hàng vay vốn bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản thanh toán được mở tại NHCSXH theo đề nghị của khách hàng vay vốn. Trường hợp khách hàng vay vốn không thể nhận tiền vay bằng hình thức chuyển khoản, NHCSXH nơi cho vay hỗ trợ giải ngân bằng tiền mặt.

Đối với vay vốn để đào tạo nghề: việc giải ngân được áp dụng theo quy định hiện hành của NHCSXH về giải ngân của chương trình tín dụng đối với học sinh, sinh viên.

11.2. Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh

a) Hồ sơ vay vốn

- Hồ sơ do khách hàng vay vốn lập và cung cấp

+ Phương án vay vốn (mẫu số 02 ban hành kèm theo Quyết định số 44/2026/QĐ-TTg).

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu các giấy tờ phù hợp với loại hình hoạt động:

(i) Đối với Doanh nghiệp nhỏ và vừa là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Đối với Hợp tác xã là Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; Đối với Tổ hợp tác là Giấy chứng nhận đăng ký Tổ hợp tác; Đối với Hộ kinh doanh là Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

(ii) Giấy phép kinh doanh có điều kiện hoặc giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

(iii) Căn cước/căn cước công dân của người đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền của cơ sở sản xuất kinh doanh.

+ Bản gốc/Bản chính/Bản sao có công chứng hoặc chứng thực: Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền của doanh nghiệp nhỏ và vừa/hợp tác xã về việc thực hiện giao dịch liên quan đến vay vốn tại NHCSXH (nếu có). Đối với tổ hợp tác và hộ kinh doanh có từ hai thành viên trở lên: văn bản ủy quyền có công chứng hoặc chứng thực của UBND cấp xã do các thành viên ủy quyền cho một thành viên là người đại diện thực hiện các giao dịch liên quan đến vay vốn tại NHCSXH.

+ Bản sao có chứng thực: Điều lệ của doanh nghiệp nhỏ và vừa/Hợp tác xã (nếu có).

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Hợp đồng lao động của người CHXAPT đang làm việc tại cơ sở sản xuất kinh doanh.

+ Bản gốc/Bản chính Danh sách tổng số lao động tại cơ sở sản xuất kinh doanh (mẫu số 07/CHXAPT).

+ Trường hợp khách hàng vay vốn là Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Hợp tác xã: Bản gốc/Bản chính Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật trong 02 năm liền kề và báo cáo nhanh về tình hình tài chính kể từ đầu năm tài chính đến thời điểm vay vốn. Nếu Doanh nghiệp/Hợp tác xã có thời gian hoạt động dưới 02 năm thì gửi báo cáo tài chính năm đã hoạt động (nếu có) và báo cáo nhanh về tình hình tài chính kể từ đầu năm tài chính đến thời điểm vay.

- Hồ sơ do NHCSXH nơi cho vay lập

+ Phiếu tiếp nhận hồ sơ vay vốn (mẫu số 02a/CHXAPT).

+ Báo cáo thẩm định (mẫu số 03/CHXAPT).

+ Thông báo phê duyệt cho vay (mẫu số 04a/CHXAPT).

+ Thông báo từ chối cho vay (mẫu số 04b/CHXAPT).

- Hồ sơ do NHCSXH nơi cho vay, khách hàng vay vốn cùng lập: Hợp đồng tín dụng (mẫu số 05/CHXAPT).

- Hồ sơ bảo đảm tiền vay thực hiện theo quy định của NHCSXH (nếu có).

b) Quy trình, thủ tục cho vay

- Khách hàng vay vốn gửi hồ sơ quy định tại gạch đầu dòng thứ nhất, tiết a) điểm 11.2 khoản 11 văn bản này tới NHCSXH nơi cho vay. Trong vòng 03 ngày làm việc (đối với mức vay đến 200 triệu đồng), 05 ngày làm việc (đối với mức vay trên 200 triệu đồng) kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ vay vốn của khách hàng vay vốn, cán bộ tín dụng tiếp nhận bộ hồ sơ và thực hiện các công việc sau:

+ Kiểm tra tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ vay vốn:

(i) Đối với các loại giấy tờ quy định tại gạch đầu dòng thứ nhất, tiết a) điểm 11.2 khoản 11 văn bản này và các giấy tờ liên quan khác của khách hàng vay vốn

(nếu có), NHCSXH nơi cho vay yêu cầu khách hàng vay vốn cung cấp bản chính để kiểm tra đối chiếu (đối với trường hợp chỉ cung cấp bản sao). Cán bộ tín dụng kiểm tra, đối chiếu ký xác nhận trên bản sao. Trường hợp khách hàng vay vốn cung cấp bản sao chứng thực thì không phải kiểm tra đối chiếu với bản chính.

(ii) Đối chiếu tên người lao động là người CHXAPT đang làm việc tại cơ sở sản xuất kinh doanh với Danh sách người CHXAPT có nhu cầu và đủ điều kiện vay vốn NHCSXH do cơ quan có thẩm quyền lập và phê duyệt (mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 44/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ).

+ Thẩm định phương án vay vốn, trình phê duyệt cho vay: Trường hợp hồ sơ vay vốn đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ, cán bộ tín dụng thẩm định phương án vay vốn và lập Báo cáo thẩm định (mẫu 03/CHXAPT) trình Trưởng phòng Kế hoạch - Tín dụng/Tổ trưởng Tổ Kế hoạch – Tín dụng kiểm soát, sau đó trình Giám đốc NHCSXH nơi cho vay xem xét phê duyệt.

+ Cán bộ tín dụng căn cứ kết quả phê duyệt cho vay lập Thông báo kết quả phê duyệt cho vay:

(i) Trường hợp NHCSXH nơi cho vay phê duyệt cho vay, cán bộ tín dụng gửi Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu 04a/CHXAPT) gửi khách hàng vay vốn và hướng dẫn thực hiện các bước tiếp theo.

(ii) Trường hợp NHCSXH nơi cho vay không phê duyệt cho vay, cán bộ tín dụng gửi Thông báo từ chối cho vay (mẫu số 04b/CHXAPT) đến khách hàng vay vốn đồng thời trả lại hồ sơ cho khách hàng vay vốn.

- Sau khi có kết quả phê duyệt cho vay, NHCSXH nơi cho vay cùng khách hàng vay vốn lập Hợp đồng tín dụng (mẫu số 05/CHXAPT).

- Trường hợp phải thực hiện bảo đảm tiền vay, NHCSXH nơi cho vay và bên thế chấp thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật và NHCSXH.

- Sau khi hồ sơ vay vốn được hoàn thiện, cán bộ tín dụng được phân công bàn giao cho bộ phận kế toán để thực hiện giải ngân cho khách hàng vay vốn.

c) Giải ngân

- Căn cứ hợp đồng tín dụng đã ký kết, NHCSXH nơi cho vay giải ngân bằng chuyển khoản vào tài khoản thanh toán mở tại NHCSXH của khách hàng vay vốn.

- Khách hàng vay vốn thực hiện mở tài khoản thanh toán tại NHCSXH nơi cho vay. Việc mở tài khoản thanh toán được thực hiện theo quy định của NHCSXH. Thời điểm mở tài khoản thanh toán được thực hiện đồng thời với thời điểm ký Hợp đồng tín dụng.

- Khách hàng vay vốn có thể đề nghị giải ngân một hay nhiều lần theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Mỗi lần giải ngân, khách hàng vay vốn viết Giấy

đề nghị giải ngân (mẫu số 10/CHXAPT) gửi NHCSXH nơi cho vay làm căn cứ phê duyệt giải ngân.

12. Định kỳ hạn trả nợ gốc, trả nợ lãi; thu nợ gốc, thu nợ lãi

12.1. Định kỳ hạn trả nợ gốc, nợ lãi

a) Định kỳ trả nợ gốc:

- Đối với mục đích cho vay để đào tạo nghề: Thực hiện định kỳ hạn trả nợ gốc tối đa 12 tháng/kỳ, trong đó kỳ trả nợ gốc đầu tiên thực hiện ngay sau khi người CHXAPT kết thúc khóa học.

- Đối với mục đích cho vay để sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm: Thực hiện định kỳ hạn trả nợ theo quy định hiện hành của NHCSXH đối với các chương trình cho vay phục vụ sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm.

- Trường hợp khách hàng vay vốn là cơ sở sản xuất kinh doanh nhận tiền vay nhiều lần, việc định kỳ hạn trả nợ gốc được xác định kể từ ngày khách hàng nhận tiền vay lần đầu tiên. Khi khách hàng nhận tiền vay lần cuối cùng của khoản vay, nếu số tiền vay thấp hơn số tiền đã được phê duyệt cho vay thì NHCSXH nơi cho vay và khách hàng thoả thuận điều chỉnh lại số tiền phải trả của các kỳ hạn trả nợ gốc và/hoặc thời hạn cho vay và ghi vào phụ lục Hợp đồng tín dụng phần theo dõi điều chỉnh kỳ hạn trả nợ.

b) Định kỳ trả nợ lãi hằng tháng, bắt đầu từ tháng liền kề sau tháng nhận tiền giải ngân.

12.2. Thu nợ gốc, thu nợ lãi

a) Đối với người CHXAPT vay vốn để đào tạo nghề và sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm: NHCSXH nơi cho vay thực hiện thu nợ gốc, nợ lãi theo quy định hiện hành của NHCSXH.

b) Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh: NHCSXH nơi cho vay thực hiện trích từ tài khoản thanh toán của khách hàng vay vốn mở tại NHCSXH để thu nợ gốc, thu nợ lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

c) Thứ tự thu nợ gốc, lãi của khoản vay thực hiện theo quy định của NHCSXH.

d) Khách hàng vay vốn có thể trả nợ gốc trước hạn, trường hợp khách hàng trả nợ gốc trước hạn từ tài khoản tiền gửi tổ viên/tài khoản thanh toán, NHCSXH nơi cho vay hướng dẫn khách hàng ghi rõ nội dung: "*Trả nợ trước hạn cho khoản vay < mã khoản vay > chương trình cho vay đối với người CHXAPT*" và thông tin cho NHCSXH nơi cho vay để làm cơ sở thực hiện thu nợ theo đề nghị.

13. Kiểm tra sau cho vay

13.1. Đối với người CHXAPT vay vốn để đào tạo nghề và sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm: Việc kiểm tra, giám sát được thực hiện theo các quy định hiện hành về quy trình, phương pháp kiểm tra, giám sát hoạt động ủy thác cho

vay. Kết quả kiểm tra ghi nhận vào Phiếu kiểm tra sử dụng vốn vay (mẫu số 06/TD hoặc 06A/TD).

13.2. Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh

a) Trường hợp khách hàng vay vốn đề nghị giải ngân nhiều lần, căn cứ hồ sơ đề nghị giải ngân của khách hàng (đề nghị giải ngân lần thứ hai trở đi), cán bộ được Giám đốc NHCSXH nơi cho vay phân công tiến hành kiểm tra và ghi nhận kết quả kiểm tra vào Biên bản kiểm tra (mẫu số 06/CHXAPT), nếu đủ điều kiện thì tiến hành giải ngân và đề nghị khách hàng ký nhận nợ vào Phụ lục Hợp đồng tín dụng, phần theo dõi cho vay.

b) Trong vòng 30 ngày kể từ ngày giải ngân lần cuối, NHCSXH nơi cho vay trực tiếp thực hiện kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay. Kết quả kiểm tra phải ghi vào Biên bản kiểm tra (mẫu số 06/TDCHXAPT).

Đối với những món vay từ 02 tỷ đến 10 tỷ đồng: NHCSXH cấp tỉnh thực hiện kiểm tra, giám sát trong phạm vi tối đa 180 ngày kể từ ngày NHCSXH nơi cho vay giải ngân lần cuối cùng. Chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình, thủ tục cho vay; tính đầy đủ, hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ vay vốn, hồ sơ tài sản bảo đảm; kiểm tra thực tế việc sử dụng vốn vay của khách hàng, hiện trạng tài sản bảo đảm và kiểm tra các nội dung liên quan khác. Phòng Kế hoạch - Tín dụng là đầu mối chủ trì, tham mưu Giám đốc Chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh thực hiện kiểm tra, giám sát theo quy định. Kết quả kiểm tra được lập, lưu tại hồ sơ cho vay và lưu tại Phòng Kế hoạch - Tín dụng cấp tỉnh.

NHCSXH có trách nhiệm kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, mục đích sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng vay vốn, nhằm đôn đốc khách hàng vay vốn thực hiện đúng và đầy đủ những cam kết đã thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng.

13.3. Đối với trường hợp vay vốn để mua máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động kinh doanh, khách hàng vay vốn có trách nhiệm lưu giữ và cung cấp tài liệu hóa đơn/chứng từ chứng minh việc sử dụng vốn vay NHCSXH đúng mục đích xin vay. Khi kiểm tra, cán bộ kiểm tra ghi nhận tài liệu/hóa đơn/chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay trên Biên bản kiểm tra (mẫu số 06/CHXAPT) đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh hoặc Biên bản kiểm tra (mẫu số 06/TD hoặc 06A/TD) đối với người CHXAPT vay vốn để đào tạo nghề và sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm.

14. Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc, gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

14.1. Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc

a) Đối với người CHXAPT vay vốn để đào tạo nghề và sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm: Việc điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc được thực hiện theo quy định hiện hành của NHCSXH.

b) Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh

Việc điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc được NHCSXH áp dụng đối với khoản vay có thời hạn trên 12 tháng.

Trường hợp khách hàng vay vốn chưa trả nợ gốc đúng kỳ hạn đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, trước 05 ngày đến hạn trả nợ, khách hàng vay vốn phải có Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn nợ (mẫu số 08/CHXAPT) gửi NHCSXH nơi cho vay. NHCSXH nơi cho vay xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ. Thời hạn điều chỉnh cho 01 kỳ hạn trả nợ có thể một hoặc nhiều lần, nhưng tối đa không quá thời hạn của 01 kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Cán bộ kế toán ghi nhận nội dung điều chỉnh kỳ hạn trả nợ tại phần theo dõi điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ trên Phụ lục Hợp đồng tín dụng.

14.2. Gia hạn nợ

Việc gia hạn nợ được thực hiện theo quy định hiện hành của NHCSXH.

14.3. Chuyển nợ quá hạn

a) NHCSXH thực hiện chuyển nợ quá hạn đối với các trường hợp sau:

- Khách hàng vay vốn chưa trả được nợ gốc đúng hạn theo kỳ hạn đã thỏa thuận (bao gồm cả nợ của các kỳ hạn trước đó đã được điều chỉnh) và không được NHCSXH nơi cho vay xem xét cho điều chỉnh kỳ hạn trả nợ thì NHCSXH nơi cho vay chuyển số dư nợ đó sang nợ quá hạn.

- Đến hạn trả nợ gốc cuối cùng được ghi trong Sổ vay vốn/Hợp đồng tín dụng, nếu khách hàng vay vốn không trả được nợ và không được NHCSXH cho gia hạn nợ thì chuyển toàn bộ số dư nợ còn lại của khoản vay sang nợ quá hạn.

- Khách hàng sử dụng vốn vay sai mục đích và được ghi nhận trong Phiếu kiểm tra sử dụng vốn vay (mẫu số 06/TD hoặc 06A/TD)/Biên bản kiểm tra (mẫu số 06/CHXAPT). Trong thời gian tối đa 30 ngày (kể từ ngày ghi nhận trong Phiếu kiểm tra sử dụng vốn vay/Biên bản kiểm tra), NHCSXH nơi cho vay đôn đốc thu hồi số tiền vay sai mục đích, nếu khách hàng vay vốn không trả hết số tiền vay sử dụng sai mục đích như đã ghi nhận thì NHCSXH chuyển số dư nợ sử dụng sai mục đích còn lại sang nợ quá hạn.

- Theo văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

b) Khi chuyển nợ quá hạn, NHCSXH nơi cho vay gửi Thông báo cho khách hàng vay vốn mẫu số 14/CHXAPT áp dụng đối với cơ sở sản xuất kinh doanh, mẫu số 14/TD áp dụng đối với người CHXAPT vay vốn để đào tạo nghề và sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm. Đồng thời phối hợp với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương và cơ quan có thẩm quyền để tìm biện pháp thu hồi nợ hoặc chuyển hồ sơ sang cơ quan pháp luật để xử lý thu hồi theo quy định của pháp luật.

15. Hồ sơ, quy trình thủ tục cho vay đối với người CHXAPT vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

Hồ sơ; quy trình, thủ tục cho vay; giải ngân; định kỳ hạn trả nợ, trả lãi; thu nợ gốc, thu lãi; kiểm tra, giám sát; xử lý nợ đến hạn được thực hiện theo quy định của Tổng Giám đốc về nghiệp vụ cho vay hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (hiện nay là văn bản số 11068/HD-NHCS ngày 30/12/2025) và các văn bản sửa đổi, bổ sung, các văn bản hướng dẫn khác có liên quan của Tổng Giám đốc NHCSXH.

Khi khách hàng vay vốn lập Giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (Mẫu số 01/LĐNN) cần lưu ý kê khai thông tin về đối tượng được vay vốn với mức lãi suất thấp hơn là người CHXAPT tại mục đối tượng khác. NHCSXH nơi cho vay thực hiện việc đối chiếu tên người CHXAPT trong hồ sơ vay vốn với Danh sách người CHXAPT có nhu cầu và đủ điều kiện vay vốn NHCSXH (mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 44/2026/QĐ-TTg) do cơ quan có thẩm quyền lập và xác nhận.

16. Xử lý các vi phạm

NHCSXH căn cứ vào kết quả kiểm tra mức độ vi phạm ghi trong Phiếu kiểm tra hoặc Biên bản kiểm tra để quyết định xử lý như sau:

16.1. Chấm dứt cho vay

- Khách hàng vay vốn vi phạm các cam kết trong Hợp đồng tín dụng/Sổ vay vốn nhưng không khắc phục, sửa chữa. Trong thời gian tối đa 03 tháng kể từ thời điểm thông báo cho khách hàng vay vốn về việc chấm dứt cho vay (mẫu số 15/CHXAPT), NHCSXH nơi cho vay phải thực hiện thu hồi nợ trước hạn, nếu khách hàng vay vốn không trả hết số nợ vi phạm thì chuyển số nợ vi phạm còn lại sang quá hạn.

- Thông báo của Giám đốc NHCSXH nơi cho vay về việc chấm dứt cho vay do người vay vốn vi phạm được lưu tại bộ phận kế toán.

16.2. Thu hồi nợ trước hạn

NHCSXH có quyền thu hồi nợ trước hạn trong các trường hợp sau:

a) Khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm quy định trong Hợp đồng tín dụng/Sổ vay vốn hoặc Hợp đồng bảo đảm tiền vay (nếu có).

b) Khách hàng vi phạm quy định pháp luật, có kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc NHCSXH phải thu hồi nợ trước hạn.

16.3. Chuyển nợ quá hạn

a) Các trường hợp chuyển nợ quá hạn:

+ Các trường hợp chuyển nợ quá hạn quy định tại điểm 14.3 văn bản này và điểm c khoản 17 văn bản số 11068/HD-NHCS.

+ Các trường hợp thu hồi nợ trước hạn quy định tại điểm 16.2 khoản này nhưng khách hàng không thực hiện trả nợ theo kết luận của cơ quan nhà nước có

thẩm quyền hoặc theo Phiếu kiểm tra sử dụng vốn vay/Biên bản kiểm tra sử dụng vốn vay thì chuyển số nợ gốc vi phạm chưa trả đó sang nợ quá hạn.

+ Khách hàng sử dụng tiền vay sai mục đích được ghi trong Hợp đồng tín dụng/Sổ vay vốn, tối đa 30 ngày kể từ ngày phát hiện sai phạm được ghi trong Phiếu kiểm tra sử dụng vốn vay/Biên bản kiểm tra sử dụng vốn vay mà khách hàng không thực hiện trả hết số nợ gốc sử dụng sai mục đích thì chuyển số nợ gốc vi phạm chưa trả đó sang nợ quá hạn.

b) Khi chuyển nợ quá hạn, NHCSXH nơi cho vay lập Thông báo chuyển nợ quá hạn (Mẫu số 14/TD/Mẫu số 11/LĐNN/Mẫu số 14/CHXAPT tùy theo từng đối tượng và mục đích vay vốn) gửi cho khách hàng; đồng thời, thông báo cho các cơ quan có liên quan (chính quyền địa phương, doanh nghiệp,...) để tìm biện pháp thu hồi nợ hoặc làm thủ tục chuyển hồ sơ sang cơ quan pháp luật để đề nghị xử lý.

16.4. Xử lý tài sản bảo đảm

Sau 06 tháng kể từ ngày chuyển số dư còn lại của khoản vay sang nợ quá hạn hoặc có số nợ quá hạn chiếm từ 50% trở lên trên tổng số tiền đã vay thì NHCSXH nơi cho vay xem xét xử lý tài sản bảo đảm hoặc chuyển hồ sơ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đề nghị xử lý. Việc xử lý tài sản bảo đảm được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận tại Hợp đồng bảo đảm tiền vay và theo quy định của pháp luật.

16.5. Khởi kiện

NHCSXH nơi cho vay có quyền khởi kiện ra cơ quan có thẩm quyền để giải quyết tranh chấp thu hồi nợ trong các trường hợp sau:

- Khách hàng vi phạm Hợp đồng tín dụng/Sổ vay vốn, Hợp đồng bảo đảm tiền vay (nếu có) đã được NHCSXH nơi cho vay thông báo bằng văn bản nhưng không khắc phục.

- Khách hàng có hành vi lừa đảo, gian lận, hành vi vi phạm pháp luật khác xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của NHCSXH.

- Các vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

17. Xử lý nợ bị rủi ro

Việc xử lý nợ bị rủi ro được thực hiện theo quy định về quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH.

18. Hạch toán kế toán và lưu giữ hồ sơ vay vốn

Công tác hạch toán kế toán và lưu giữ hồ sơ vay vốn được thực hiện theo quy định của NHCSXH.

Riêng đối với Danh sách người CHXAPT có nhu cầu và đủ điều kiện vay vốn NHCSXH (mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 44/2026/QĐ-TTg) được lưu tại bộ phận tín dụng để theo dõi và phục vụ cho công tác kiểm tra, đối chiếu.

19. Chế độ báo cáo thống kê

Chế độ báo cáo thống kê được thực hiện theo các quy định của NHCSXH.

20. Tổ chức thực hiện

20.1. Chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố và Phòng giao dịch NHCSXH có trách nhiệm:

a) Báo cáo UBND, Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH cùng cấp về việc triển khai thực hiện Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg, Quyết định số 44/2026/QĐ-TTg, các nội dung hướng dẫn tại văn bản này và các văn bản có liên quan.

b) Thực hiện đúng quy định của Thủ tướng Chính phủ và văn bản hướng dẫn này về chính sách cho vay đối với người CHXAPT.

c) Tổ chức tập huấn nghiệp vụ, quán triệt đến toàn thể cán bộ trong đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan để thực hiện có hiệu quả Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg, Quyết định số 44/2026/QĐ-TTg và văn bản hướng dẫn này.

d) Chủ động phối hợp với các cơ quan có liên quan tuyên truyền, phổ biến chính sách cho vay đối với người CHXAPT theo Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg, Quyết định số 44/2026/QĐ-TTg đến các cấp, các ngành và người dân biết để thực hiện và giám sát.

20.2. Ban Tín dụng Học sinh, sinh viên và các đối tượng chính sách khác chịu trách nhiệm đầu mối tham mưu Tổng Giám đốc các nội dung hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với người CHXAPT theo Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg, Quyết định số 44/2026/QĐ-TTg. Đồng thời, theo dõi, phối hợp với các đơn vị liên quan để đề xuất xử lý các vấn đề phát sinh, vướng mắc (nếu có) trong quá trình thực hiện.

21. Hiệu lực thi hành

21.1. Văn bản này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/11/2026 và thay thế văn bản số 7557/NHCS-TDSV ngày 20/9/2023 của Tổng Giám đốc Hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với người chấp hành xong án phạt tù. Những nội dung không hướng dẫn tại văn bản này, thực hiện theo quy định tại Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg và Quyết định số 44/2026/QĐ-TTg.

21.2. Điều khoản chuyển tiếp

a) Khách hàng vay vốn đã ký hợp đồng tín dụng theo Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg trước ngày Quyết định số 44/2026/QĐ-TTg có hiệu lực thì các bên tiếp tục thực hiện theo các nội dung quy định trong hợp đồng tín dụng đã ký.

b) Trường hợp khách hàng vay vốn đã được vay vốn theo Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg nếu đủ điều kiện, có nhu cầu thì tiếp tục được vay vốn với mức vốn cho vay theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Quyết định số 44/2026/QĐ-TTg.

21.3. Mọi sửa đổi, bổ sung nội dung văn bản này do Tổng Giám đốc NHCSXH quyết định. Yêu cầu Giám đốc Chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố và các đơn vị có liên quan trong hệ thống NHCSXH tổ chức triển khai thực hiện.

Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các đơn vị báo cáo về Hội sở chính NHCSXH xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ; } (để báo cáo)
- Bộ Công an; } (để báo cáo)
- Ngân hàng Nhà nước; } (để báo cáo)
- Hội LHPN, HCCB, HND, ĐTN (để phối hợp);
- Các thành viên HĐQT NHCSXH;
- Các thành viên CGTV HĐQT NHCSXH;
- Cục C11- Bộ Công an;
- Trưởng BĐD HĐQT NHCSXH các cấp;
- TGĐ, TBKS NHCSXH;
- Các PTGĐ, KTT;
- Các Ban CMNV tại Hội sở chính;
- Sở Giao dịch, Trung tâm Đào tạo, Trung tâm CNTT;
- Chi nhánh NHCSXH các tỉnh, TP;
- Phòng giao dịch NHCSXH;
- Website NHCSXH;
- Lưu: VT, TDSV.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

S.G.C.N: 0100698387-N.H.C.S.X.H
NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
P. HOÀNG LIỆT - T.P HÀ NỘI

Vương Văn Minh

PHỤ LỤC DANH SÁCH CÁC MẪU BIỂU

(Kèm theo văn bản số 4809 /HD-NHCS ngày 23/9 /2026 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với người chấp hành xong án phạt tù)

STT	Tên mẫu biểu	Nội dung mẫu biểu
1	02a/CHXAPT	Phiếu tiếp nhận hồ sơ vay vốn
2	03/CHXAPT	Báo cáo thẩm định
3	04a/CHXAPT	Thông báo phê duyệt cho vay
4	04b/CHXAPT	Thông báo từ chối cho vay
5	05/CHXAPT	Hợp đồng tín dụng
6	06/CHXAPT	Biên bản kiểm tra
7	07/CHXAPT	Danh sách người lao động tại cơ sở sản xuất kinh doanh
8	08/CHXAPT	Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ
9	10/CHXAPT	Giấy đề nghị giải ngân
10	14/CHXAPT	Thông báo chuyển nợ quá hạn
11	15/CHXAPT	Thông báo chấm dứt cho vay

Mẫu số 02a/CHXAPT

Lập 02 liên: 01 liên lưu ngân hàng, 01 liên giao khách hàng

NHCSXH TỈNH/TP.....
PGD .....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

PHIẾU TIẾP NHẬN HỒ SƠ VAY VỐN

Vào hồi .....giờ.....phút, ngày ..... tháng ..... năm ....., Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội ..... đã tiếp nhận hồ sơ vay vốn của khách hàng:

Tên cơ sở sản xuất kinh doanh:.....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại:.....Email:.....

Tên người đại diện *(nếu có)*:.....

Số điện thoại:.....Email:.....

Hồ sơ vay vốn gồm có:

STT	Tên giấy tờ[1]	Tình trạng
1	Phương án vay vốn	☐ *Bản gốc*
2	Giấy chứng nhận (GCN) đăng ký doanh nghiệp/GCN đăng ký HTX /GCN đăng ký Tổ hợp tác/GCN đăng ký hộ kinh doanh	☐ *Bản sao có chứng thực* ☐ *Bản sao từ sổ gốc* ☐ *Bản sao đã đối chiếu bản chính*
3	Giấy phép kinh doanh có điều kiện/giấy chứng nhận kinh doanh (nếu có)	☐ *Bản sao có chứng thực* ☐ *Bản sao từ sổ gốc* ☐ *Bản sao đã đối chiếu bản chính*
4	Căn cước/căn cước công dân của người đại diện CS SXKD	☐ *Bản sao có chứng thực* ☐ *Bản sao đã đối chiếu bản chính*
5	Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền/Văn bản ủy quyền	☐ *Bản gốc* ☐ *Bản chính* ☐ *Bản sao công chứng hoặc chứng thực*

[1] Thông báo được lập trực tiếp khi nhận được hồ sơ của khách hàng. Cán bộ tín dụng được phân công kiểm tra tình trạng hồ sơ và phản ánh các hồ sơ thực nhận vào Thông báo, bổ sung, xóa bỏ các nội dung không liên quan trình Giám đốc ký gửi cơ sở sản xuất kinh doanh.

6	Điều lệ của Doanh nghiệp nhỏ và vừa/HTX.	☐ *Bản sao có chứng thực*
7	Báo cáo tài chính (Doanh nghiệp nhỏ và vừa/HTX/LH HTX)	☐ *Bản gốc* ☐ *Bản chính*
8	Báo cáo nhanh tình hình tài chính (Doanh nghiệp nhỏ và vừa/HTX/LH HTX)	☐ *Bản gốc* ☐ *Bản chính*
9	Hợp đồng lao động của người CHXAPT đang làm việc tại cơ sở sản xuất kinh doanh	☐ *Bản gốc* ☐ *Bản chính*
10	Danh sách người lao động (Mẫu số 07/TDNCHXAPT)	☐ *Bản gốc* ☐ *Bản chính*
11	Các giấy tờ chứng minh TSBĐ (nếu có)	…… …… ……

Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội …….. sẽ gửi Thông báo kết quả phê duyệt cho vay/Thông báo từ chối cho vay trực tiếp đến Quý khách hàng chậm nhất ngày …../…../……về địa chỉ của khách hàng.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ
(Ký, ghi rõ họ tên)

CÁN BỘ TIẾP NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 03/CHXAPT
Lập 01 liên: lưu ngân hàng

NHCSXH TỈNH/TP.....
PGD .....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

1. . Tên Cơ sở sản xuất kinh doanh (Doanh nghiệp/Hợp tác xã/Tổ hợp tác/Hộ kinh doanh):.....

2. Họ và tên người đại diện vay vốn:.....Chức vụ:.....

3. Căn cước/Căn cước công dân số:.....

Ngày cấp:...../...../.....nơi cấp:..... Có thời hạn đến:.....

4. Nơi đăng ký cư trú:.....

5. Điện thoại liên hệ:.....

6. Tên Phương án vay vốn của khách hàng:.....

.....

7. Nơi thực hiện phương án vay vốn:.....

A. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

I. THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Tên Doanh nghiệp/Hợp tác xã/Tổ hợp tác/Hộ kinh doanh:

.....

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....

3. Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: .....

4. Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp/Hợp tác xã/Liên hiệp Hợp tác xã/Tổ hợp tác/Hộ kinh doanh số: .....Cơ quan cấp: .....

Đăng ký lần đầu ngày .....tháng.....năm.....

Đăng ký thay đổi lần thứ:.....ngày.....tháng.....năm.....

Mã số thuế:.....

5. Họ và tên người đại diện: ..... Chức vụ: .....

Căn cước/Căn cước công dân số: .....

Ngày cấp: .....Nơi cấp: .....

Quyết định bổ nhiệm số: ..... Ngày: ..... Do: .....quyết định

Hoặc giấy ủy quyền số: .....Ngày: ..... Do: .....ủy quyền

6. Mã số thuế: .....

7. Vốn điều lệ/Vốn góp/Vốn tự có: ..... đồng.

II. PHÂN TÍCH ĐỊNH TÍNH

1. Lịch sử phát triển (ngày thành lập, thời gian hoạt động tại địa phương hiện tại, lý do khởi nghiệp kinh doanh, quá trình thay đổi ngành nghề hoặc ngừng hoạt động kinh doanh…):

.....

.....

.....

2. Năng lực của người điều hành (tính chân thật, độ tin cậy, tình trạng sức khỏe, sự ủng hộ của gia đình, trình độ...)

.....

.....

.....

3. Mặt hàng và dịch vụ kinh doanh (chi tiết về sản phẩm, dịch vụ, điểm khác biệt so với các cơ sở sản xuất, kinh doanh khác, sức cạnh tranh, nhu cầu của thị trường, hướng tới tầng lớp, đối tác giao dịch nào…)

.....

.....

.....

4. Đối tác giao dịch chủ yếu

a) Đối tác mua hàng (nhà cung ứng) chủ yếu

Đối tác mua hàng	Số năm giao dịch	Tỷ trọng giao dịch

b) Đối tác bán hàng (người tiêu thụ) chủ yếu

Đối tác bán hàng	Số năm giao dịch	Tỷ trọng giao dịch

5. Điều tra thực địa (biển tên và biển hiệu; địa chỉ và tình trạng văn phòng, cửa hàng, nhà máy, tình trạng máy móc thiết bị, hàng tồn kho...)

.....

.....

.....

.....

III. PHÂN TÍCH ĐỊNH LƯỢNG

1. Bảng tính toán lỗ, lãi

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm	Giá trị trên tài liệu xác nhận	Năm	Giá trị trên tài liệu xác nhận
1	Tổng doanh thu				
2	Tổng chi phí				
3	Thuế TNDN				
4	Lợi nhuận				

Nhận xét, đánh giá:

.....

.....

.....

2. Bảng đối chiếu tài sản có và tài sản nợ *(nếu có)*

Đơn vị: triệu đồng

STT	Hạng mục	Năm	Giá trị trên tài liệu xác nhận	Năm	Giá trị trên tài liệu xác nhận
1	Tiền mặt - tiền gửi				
2	Tiền bán chịu				
3	Tồn kho (vật tư, thành phẩm, sản phẩm dở dang)				
4	Tài sản cố định				
5	Các tài sản khác				

6	Tổng tài sản có (1+2+3+4+5)				
7	Tiền mua chịu				
8	Tiền vay				
9	Các nợ khác				
10	Tổng công nợ (7+8+9)				
11	Nguồn vốn chủ sở hữu (6-10)				
12	Tổng tài sản Nợ (10+11)				

Nhận xét ,đánh giá :

.....

.....

.....

3. Tình hình sử dụng lao động:

Tổng số lao động hiện có: .....người, trong đó:

- Lao động là người CHXAPT: người, chiếm tỷ lệ.....% tổng số lao động.

Nhận xét, đánh giá:

.....

.....

IV. ĐÁNH GIÁ PHƯƠNG ÁN VAY VỐN VÀ NHU CẦU VAY VỐN

- Tên phương án vay vốn:.....
- Nơi thực hiện phương án:.....

1. Nội dung phương án vay vốn

- Mở rộng, cải tạo nhà xưởng, kho bãi:

+ Diện tích mở rộng, cải tạo: .....

+ Chi phí mở rộng, cải tạo: .....

- Đầu tư trang thiết bị:

+ Máy móc, thiết bị (chủng loại, số lượng, giá trị): .....

+ Phương tiện (chủng loại, số lượng, giá trị): .....

- Đầu tư vốn lưu động: Vật tư, nguyên, nhiên liệu, hàng hóa, dịch vụ (chủng loại, số lượng, giá trị): .....

2. Phương án sử dụng lao động

Tổng số lao động:.....người, trong đó:

- Số người lao động là người CHXAPT:.....người, chiếm tỷ lệ.....% tổng số lao động.

3. Hiệu quả dự án và dự báo thu - chi tiền mặt sau khi vay vốn

Đơn vị: triệu đồng

STT	Hạng mục	Cán bộ thẩm định tính toán	Theo dự án vay vốn của khách hàng	Chênh lệch
1	Tổng doanh thu dự kiến			
2	Tổng chi phí dự kiến			
3	Thuế TNDN dự kiến			
4	Lợi nhuận dự kiến			

(Các mục trên đều là số ước tính bình quân 1 năm trong thời gian thực hiện dự án)

Nhận xét, đánh giá:

.....

.....

4. Tổng nguồn vốn thực hiện phương án:.....đồng, trong đó:

- Vốn tự có:..... đồng

- Vốn đề nghị vay Ngân hàng: .....đồng

Sử dụng vào các việc:

.....

5. Thời điểm bắt đầu thực hiện dự án: Tháng.....năm.....

6. Nguồn tiền trả nợ ngân hàng:

- Khấu hao tài sản từ vốn vay:.....đồng;

- Khấu hao tài sản từ nguồn vốn tự có:.....đồng;

- Lợi nhuận từ dự án và các nguồn khác:.....đồng;

- - Dự kiến số tiền trả nợ mỗi kỳ hạn là:.....đồng; số tiền trả nợ kỳ cuối:..... đồng; trả lãi đầy đủ hàng tháng theo dư nợ thực tế phát sinh.

Nhận xét, đánh giá:.....

7. Tài sản bảo đảm tiền vay

STT	TÊN TÀI SẢN	SỐ LƯỢNG	GIẤY TỜ VỀ TÀI SẢN	GIÁ TRỊ (ước tính)

Nhận xét, đánh giá (tính pháp lý, giá trị TSBĐ, khả năng chuyển nhượng, khả năng quản lý tài sản).....

.....

V. KẾT LUẬN: (đánh giá chung về tình hình doanh nghiệp, tình hình tài chính của cơ sở sản xuất kinh doanh, tính khả thi của phương án, tiềm năng sản xuất, hiệu quả kinh tế, khả năng hoàn trả nợ, số lao động là người CHXAPT được tạo việc làm, mục đích vay vốn, điều kiện về hồ sơ pháp lý đảm bảo tiền vay):

.....

.....

B. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CHO VAY

Căn cứ phương án vay vốn và kết quả thẩm định, đề nghị:

☐ Không phê duyệt cho vay. Lý do:.....

.....

.....

☐ Phê duyệt cho vay với nội dung cụ thể như sau:

1. Mức đề nghị cho vay: tổng số tiền: .....đồng
2. Thời hạn cho vay ..... tháng
3. Lãi suất cho vay: ..... %/năm
4. Lãi suất nợ quá hạn: .....%/năm
5. Trả gốc:.....tháng/lần; trả lãi hàng tháng.
6. Tiền vay sử dụng vào việc:

.....

.....

.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

CÁN BỘ TÍN DỤNG

(Ký, ghi rõ họ và tên)

C. KIỂM SOÁT VÀ PHÊ DUYỆT CHO VAY

Ngày.....tháng.....năm 20.....

TRƯỞNG PHÒNG KHTD/TỔ TRƯỞNG TỔ KHTD/....[1]
(Ký và ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

[1] Căn cứ phân công nhiệm vụ của Giám đốc NHCSXH nơi cho vay, lựa chọn chức vụ phù hợp.

Mẫu số 04a/CHXAPT
Lập 02 liên: 01 liên lưu ngân hàng, 01 liên giao khách hàng

NHCSXH TỈNH/TP.....
PGD .....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ PHÊ DUYỆT CHO VAY

Kính gửi Ông/Bà:.....

Là người đại diện cho Cơ sở sản xuất kinh doanh (Doanh nghiệp/Hợp tác xã/Liên hiệp Hợp tác xã/Tổ hợp tác/Hộ kinh doanh):..... [1]

Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội ..... thông báo phê duyệt cho vay đối với Quý khách hàng doanh như sau:

1. Tổng số tiền cho vay

Bằng số ..... đồng.

(Bằng chữ.....).

3. Mục đích sử dụng vốn vay.....

4. Lãi suất:

- Lãi suất cho vay: .....%/năm
- Lãi suất nợ quá hạn: .....%/năm

5. Thời hạn cho vay: ..... tháng.

Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội ..... trân trọng thông báo để Quý khách hàng đến địa chỉ ..... vào lúc ..... giờ.....phút, ngày ..... tháng ..... năm..... để ký Hợp đồng tín dụng và làm các thủ tục liên quan theo quy định.

Để biết thêm thông tin chi tiết, Quý khách hàng liên hệ số điện thoại:.....

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

[1] Ghi rõ tên cơ sở sản xuất kinh doanh.

Mẫu số 04b/CHXAPT
Lập 02 liên: 01 liên lưu ngân hàng, 01 liên giao khách hàng

NHCSXH TỈNH/TP.....
PGD .....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

THÔNG BÁO
TỪ CHỐI CHO VAY

Kính gửi Ông/Bà:.....

Là người đại diện cho Cơ sở sản xuất kinh doanh (Doanh nghiệp/Hợp tác xã/Tổ hợp tác/Hộ kinh doanh):..... [1]

Ngày ..... tháng ..... năm....., Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) ..... nhận được hồ sơ vay vốn của Quý khách gửi đến.

Sau khi kiểm tra, đối chiếu, Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội.....thông báo từ chối cho vay đối với Quý khách hàng vì những lý do như sau:

1. .....

2. .....

3. .....

Trường hợp Quý khách hàng có nhu cầu nhận lại hồ sơ đã nộp vào Ngân hàng, trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Chính sách xã hội ký thông báo này, đề nghị Quý khách hàng đến Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội .... để nhận lại hồ sơ. Nếu quá 05 ngày làm việc Quý khách hàng không đến nhận lại hồ sơ, Ngân hàng Chính sách xã hội sẽ thực hiện hủy hồ sơ vay vốn theo quy định./.

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

[1] Ghi rõ tên cơ sở sản xuất kinh doanh.

Mẫu số 05/CHXAPT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG[1]
Số: ...../20.../HĐTD

Căn cứ Bộ luật Dân sự 2015 và các quy định pháp luật khác có liên quan;

Căn cứ Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg ngày 17/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù và Quyết định số 44/2026/QĐ-TTg ngày 16/9/2026 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù.

Căn cứ văn bản số 3768/NHCS-TDSV ngày 28/8/2018 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn thực hiện bảo đảm tiền vay trong hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ văn bản số ...../NHCS-TDSV ngày .../9/2026 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với người chấp hành xong án phạt tù;

Căn cứ hồ sơ vay vốn của .....,

Hôm nay, ngày ..... tháng .... năm ....., tại trụ sở Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội ....., chúng tôi gồm:

I. Bên cho vay

- Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội.....
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại: .....
- Người đại diện: ..... Chức vụ: .....

Giấy ủy quyền (nếu có):.....

II. Bên vay [2]

- Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh: .....
- Họ và tên người đại diện: ..... Chức vụ: .....

Căn cước/Căn cước công dân số: .....

---

[1] Hợp đồng được đánh máy, in, đóng dấu giáp lai giữa các trang; Bên cho vay và Bên vay cùng ký nháy vào từng trang (việc ký tắt kiểm soát nội dung trên các trang Hợp đồng do Giám đốc NHCSXH nơi cho vay phân công). Mẫu hợp đồng dùng chung, NHCSXH nơi cho vay bỏ các nội dung không liên quan khi thỏa thuận với Bên vay.

[2] Tùy thuộc vào loại hình cơ sở sản xuất kinh doanh để điền thông tin cho phù hợp

Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

- Giấy ủy quyền (nếu có): số.....ngày: ...../...../.....

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại: ..... Fax: .....

- Mã số thuế.....

- Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp/Hợp tác xã/Liên hiệp hợp tác xã/Tổ hợp tác/Hộ kinh doanh số:.....Cơ quan cấp: .....

Đăng ký lần đầu ngày .....tháng.....năm.....

Đăng ký thay đổi lần thứ:.....ngày.....tháng.....năm.....

- Tài khoản thanh toán số:..... tại Ngân hàng .....

- Vốn điều lệ/Vốn góp/Vốn tự có: .....

Hai Bên cùng thống nhất ký kết Hợp đồng tín dụng với các nội dung thỏa thuận sau đây:

Điều 1. Bằng Hợp đồng tín dụng này, Bên cho vay thống nhất cho Bên vay vay vốn để[3].....

Điều 2. Nội dung cho vay

1. Số tiền cho vay bằng số .....đồng.

(Bằng chữ.....).

2. Thời hạn cho vay: ..... tháng, kể từ ngày bên vay nhận khoản giải ngân đầu tiên. Hạn trả nợ cuối cùng ngày ..../..../.....

3. Lãi suất:

- Lãi suất cho vay: .....%/năm

- Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

Lãi tiền vay được tính kể từ ngày Bên vay nhận khoản vay đầu tiên đến ngày trả hết nợ gốc. Tiền lãi được Bên cho vay thu hàng tháng bắt đầu ngay sau tháng bên vay nhận khoản vay đầu tiên, tiền lãi được tính trên số dư nợ thực tế.

Tiền lãi tháng nếu chưa thu được thì chuyển sang thu vào tháng kế tiếp sau đó.

5. Kỳ hạn trả nợ gốc:

- Ngày ...../...../....., số tiền:..... đồng.
- Ngày ...../...../....., số tiền:..... đồng.
- Ngày ...../...../....., số tiền:..... đồng.

.....

6. Thu nợ gốc, lãi

[3] Tùy thuộc vào mục đích sử dụng vốn vay để soạn thảo nội dung này cho phù hợp.

- Bên vay chủ động chuyển khoản hoặc nộp tiền mặt vào tài khoản thanh toán đã mở tại Bên cho vay. Bên cho vay thực hiện trích từ tài khoản thanh toán của Bên vay để thu nợ gốc và lãi.

- Bên vay có thể trả nợ gốc trước hạn. Trường hợp Bên vay trả nợ từ tài khoản thanh toán mở tại Bên cho vay: Bên vay ghi rõ nội dung: "*Trả nợ trước hạn cho khoản vay < mã khoản vay > chương trình cho vay đối với người CHXAPT*" và thông báo cho Bên cho vay thực hiện thu nợ theo quy định.

- Thứ tự thu nợ gốc, lãi của khoản vay thực hiện theo quy định của Bên cho vay.

Điều 3. Giải ngân tiền vay

1. Hình thức giải ngân:

Giải ngân một lần ☐ Giải ngân nhiều lần ☐

Chuyển khoản: ☐ Tên người thụ hưởng.....

Số tài khoản:.....tại.....

2. Mỗi lần giải ngân, Bên vay viết Giấy đề nghị giải ngân (Mẫu số 10/TDCHXAPT) gửi Bên cho vay, từ lần giải ngân thứ hai trở đi Bên cho vay thực hiện kiểm tra (Mẫu số 06/TDCHXAPT) để làm căn cứ phê duyệt giải ngân. Khi nhận tiền vay, Bên vay và Bên cho vay phải ký xác nhận vào phụ lục hợp đồng tín dụng, phần theo dõi cho vay.

Điều 4. Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

1. Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ

Nếu Bên vay gặp khó khăn chưa trả được nợ theo đúng kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng thì trước 05 ngày đến hạn trả nợ, bên vay phải có Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gửi Bên cho vay để Bên cho vay xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ. Thời hạn điều chỉnh cho 01 kỳ hạn trả nợ có thể một hoặc nhiều lần, nhưng tối đa không quá thời hạn của 01 kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng .

2. Gia hạn nợ

Trước ngày đến hạn trả nợ cuối cùng, tối đa 03 tháng và tối thiểu 05 ngày làm việc, Bên vay không có khả năng trả được nợ do nguyên nhân khách quan và có nhu cầu gia hạn nợ, Bên vay phải lập Giấy đề nghị gia hạn nợ gửi Bên cho vay xem xét cho gia hạn nợ theo quy định của Bên cho vay.

3. Chuyển nợ quá hạn

- Bên cho vay thực hiện chuyển nợ quá hạn trong những trường hợp sau:

+ Đến kỳ hạn trả nợ kể cả nợ của kỳ hạn trước đó đã được điều chỉnh mà Bên vay chưa trả được, không được Bên cho vay xem xét cho điều chỉnh kỳ hạn trả nợ thì Bên cho vay chuyển số dư nợ gốc đó sang quá hạn.

+ Đến hạn trả nợ gốc cuối cùng được ghi trong Hợp đồng tín dụng, nếu Bên vay không trả được nợ và không được Bên cho vay gia hạn nợ thì chuyển toàn bộ số dư nợ còn lại sang nợ quá hạn.

+ Theo văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- Đối với trường hợp Bên vay sử dụng vốn vay sai mục đích và được ghi nhận trong Biên bản kiểm tra, Bên cho vay đôn đốc thu hồi. Trong thời gian tối đa 30 ngày kể từ ngày Bên cho vay lập Biên bản kiểm tra, nếu Bên vay không trả hết số nợ sử dụng sai mục đích thì Bên cho vay chuyển số nợ sử dụng sai mục đích còn lại sang quá hạn.

- Khi chuyển nợ quá hạn, Bên cho vay gửi Thông báo chuyển nợ quá hạn cho Bên vay. Đồng thời phối hợp với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương và cơ quan có thẩm quyền để tìm biện pháp thu hồi nợ hoặc chuyển hồ sơ sang cơ quan pháp luật để xử lý thu hồi theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Bảo đảm tiền vay[4]

1. Tài sản bảo đảm là .....do.....cấp.

Địa chỉ.....

Giấy tờ pháp lý về tài sản:.....

2. Tổng giá trị tài sản bảo đảm là.....đồng để bảo đảm cho nghĩa vụ của món vay được quy định tại Hợp đồng tín dụng này.

3. Chi tiết về tài sản bảo đảm tiền vay được quy định chi tiết tại Hợp đồng bảo đảm tiền vay được giao kết giữa Bên cho vay và Bên bảo đảm.

4. Bên vay được quyền rút toàn bộ giấy tờ về tài sản bảo đảm sau khi đã trả hết nợ gốc và lãi.

5. Bên cho vay được quyền xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật để thu hồi vốn trong trường hợp Bên vay vi phạm các thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và không thể khắc phục được.

6. Bên cho vay thực hiện kiểm tra tài sản bảo đảm đột xuất hoặc định kỳ.

7. Bên vay không dùng tài sản nêu tại Khoản 1 Điều này để đảm bảo cho các nghĩa vụ của mình tại tổ chức tín dụng khác; không được chuyển nhượng tài sản này khi chưa được sự đồng ý của Bên cho vay hoặc chưa trả hết nợ gốc và lãi cho Bên cho vay.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Bên cho vay

1. Thực hiện đúng những nội dung đã thoản thuận;

2. Yêu cầu Bên vay thực hiện đúng các điều khoản thỏa thuận;

---

[4] Áp dụng đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh vay vốn từ 200 triệu đồng trở lên.

3. Yêu cầu Bên vay cung cấp, xuất trình các tài liệu, thông tin cần thiết liên quan đến món vay;

4. Kiểm tra, giám sát sử dụng vốn vay, tình hình hoạt động kinh doanh, tài sản bảo đảm (nếu có), khả năng trả nợ của Bên vay;

5. Thu giữ tài sản bảo đảm và xử lý tài sản theo hợp đồng bảo đảm tiền vay (nếu có) để thu hồi nợ và/hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật;

6. Từ chối các yêu cầu của Bên vay không đúng với quy định của pháp luật và thỏa thuận trong Hợp đồng này.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Bên vay

1. Thực hiện đúng những nội dung đã thoản thuận;

2. Được quyền yêu cầu Bên cho vay thực hiện đúng các điều khoản thỏa thuận;

3. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến vay vốn và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp;

4. Sử dụng vốn vay đúng mục đích; báo cáo việc sử dụng vốn vay và xuất trình tài liệu chứng minh việc sử dụng vốn vay theo Hợp đồng này;

5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Bên cho vay về sử dụng vốn vay và trả nợ, tài sản bảo đảm tiền vay (nếu có), tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh;

6. Phải thông báo kịp thời cho Bên cho vay những thay đổi về trụ sở làm việc, người đại diện vay vốn, số điện thoại liên lạc và những thay đổi khác ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của Bên vay;

7. Bàn giao tài sản và phối hợp với Bên cho vay để xử lý tài sản bảo đảm khi có căn cứ xử lý theo Hợp đồng này, hợp đồng bảo đảm tiền vay (nếu có) và quy định của pháp luật.

Điều 8. Xử lý vi phạm

1. Chấm dứt cho vay: Bên vay vi phạm các cam kết trong Hợp đồng tín dụng nhưng không khắc phục, sửa chữa. Trong thời gian tối đa 03 tháng kể từ thời điểm thông báo cho Bên vay về việc chấm dứt cho vay, Bên cho vay thực hiện thu hồi nợ trước hạn, nếu Bên vay không trả hết số nợ vi phạm thì chuyển số nợ vi phạm còn lại sang quá hạn.

2. Thu hồi nợ trước hạn

Bên cho vay có quyền thu hồi nợ trước hạn trong các trường hợp sau:

- Bên vay cung cấp sai sự thật, vi phạm quy định trong Hợp đồng tín dụng hoặc Hợp đồng bảo đảm tiền vay (nếu có).

- Bên vay vi phạm quy định pháp luật, có kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc Bên cho vay phải thu hồi nợ trước hạn.

3. Chuyển nợ quá hạn

a) Các trường hợp chuyển nợ quá hạn

- Các trường hợp chuyển nợ quá hạn quy định tại khoản 3 Điều 4 Hợp đồng tín dụng này.

- Các trường hợp thu hồi nợ trước hạn quy định tại khoản 1 Điều này nhưng Bên vay không thực hiện trả nợ theo kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc theo Biên bản kiểm tra sử dụng vốn vay thì chuyển số nợ gốc vi phạm chưa trả đó sang nợ quá hạn.

- Bên vay sử dụng tiền vay sai mục đích được ghi trong Hợp đồng tín dụng, tối đa 30 ngày kể từ ngày phát hiện sai phạm được ghi trong Biên bản kiểm tra sử dụng vốn vay mà Bên vay không thực hiện trả hết số nợ gốc sử dụng sai mục đích thì chuyển số nợ gốc vi phạm chưa trả đó sang nợ quá hạn.

b) Khi chuyển nợ quá hạn, Bên cho vay lập Thông báo chuyển nợ quá hạn gửi Bên vay; đồng thời, thông báo cho các cơ quan có liên quan để tìm biện pháp thu hồi nợ hoặc làm thủ tục chuyển hồ sơ sang cơ quan pháp luật để đề nghị xử lý.

4. Xử lý tài sản bảo đảm

Sau 06 tháng kể từ ngày chuyển số dư còn lại của khoản vay sang nợ quá hạn hoặc có số nợ quá hạn chiếm từ 50% trở lên trên tổng số tiền đã vay thì Bên cho vay xem xét xử lý tài sản bảo đảm hoặc chuyển hồ sơ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đề nghị xử lý. Việc xử lý tài sản bảo đảm thực hiện trên cơ sở thỏa thuận tại Hợp đồng bảo đảm tiền vay và theo quy định của pháp luật.

5. Khởi kiện

Bên cho vay có quyền khởi kiện ra cơ quan có thẩm quyền để giải quyết tranh chấp thu hồi nợ trong các trường hợp sau:

- Bên vay vi phạm Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng bảo đảm tiền vay (nếu có) đã được Bên cho vay thông báo bằng văn bản nhưng không khắc phục.

- Bên vay có hành vi lừa đảo, gian lận, hành vi vi phạm pháp luật khác xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của NHCSXH

- Bên vay vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Cam kết chung

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của Hợp đồng tín dụng này. Mọi sửa đổi, bổ sung nội dung của các Điều, khoản phải được sự thỏa thuận của hai bên bằng văn bản.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có tranh chấp xảy ra thì hai bên thống nhất giải quyết trên tinh thần hợp tác. Trường hợp không thương lượng được thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc khởi kiện theo pháp luật.

3. Hợp đồng này, Giấy đề nghị giải ngân (nếu có), Hợp đồng bảo đảm tiền vay và các văn bản bổ sung hợp đồng (nếu có) là một bộ phận thống nhất không thể tách rời nhau, các Bên phải có nghĩa vụ chấp hành.

4. Khi Bên vay trả hết nợ gốc, lãi và các chi phí phát sinh khác (nếu có) theo Hợp đồng này, thì Hợp đồng này mặc nhiên được thanh lý.

Điều 10. Một số thỏa thuận khác

.....

.....

Điều 11. Hiệu lực của Hợp đồng tín dụng

Hợp đồng tín dụng có hiệu lực kể từ ngày ký cho tới khi Bên vay hoàn thành nghĩa vụ trả nợ bao gồm cả tiền gốc, lãi cho Bên cho vay.

Hợp đồng tín dụng này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN VAY	**ĐẠI DIỆN BÊN CHO VAY**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))	*(Ký tên, đóng dấu)*

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG

(kèm theo Hợp đồng tín dụng số: ..... /20.... /HĐ-TD ngày ... /... /.....)

1. Phần theo dõi cho vay

Đơn vị: đồng

Ngày, tháng, năm	Số tiền giải ngân	Lãi suất %/năm	Hạn trả nợ cuối cùng	Dư nợ	Chữ ký	
					Bên vay	Kế toán
1	2	3	4	5	6	7

2. Phần theo dõi điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ

Đơn vị: đồng

Ngày, tháng, năm	Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ		Gia hạn nợ		Chữ ký	
	Số tiền	Đến ngày, tháng, năm	Số tiền	Đến ngày, tháng, năm	Bên vay	Kế toán
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*

3. Phần theo dõi nợ quá hạn, nợ bị rủi ro

Đơn vị: đồng

Ngày, tháng, năm	Diễn giải	Số tiền chuyển nợ quá hạn/khoanh nợ/xoá nợ	Dư nợ quá hạn/khoanh nợ/xoá nợ	Chữ ký	
				Bên vay	Kế toán
1	2	3	4	5	6

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 06/CHXAPT
KH và NH cùng lập
01 liên lưu NH

BIÊN BẢN KIỂM TRA

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số .....
Căn cứ Hợp đồng bảo đảm tiền vay số .....

Hôm nay, ngày...../...../....., tại ..... chúng tôi gồm:

I. Bên vay vốn:

- Tên cơ sở sản xuất kinh doanh vay vốn:.....
- Địa chỉ trụ sở chính:.....
- Điện thoại liên hệ:.....
- Họ và tên người đại diện theo pháp luật hoặc được ủy quyền vay vốn là Ông (bà).....Chức vụ.....
- Căn cước/Căn cước công dân số:.....
  Ngày cấp:...../...../.....nơi cấp:.....Có thời hạn đến:.....

II. Đại diện chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch NHCSXH

.....

- Ông (bà).....Chức vụ:.....
- Ông (bà).....Chức vụ:.....
- .....

Nội dung kiểm tra: .....

1. Về tình hình thực hiện Hợp đồng tín dụng tính đến ngày kiểm tra

- Tổng số tiền phê duyệt cho vay theo Hợp đồng tín dụng: ..... đồng.
- Tổng số tiền đã giải ngân: ..... đồng.
- Lũy kế số nợ gốc đã trả: ..... đồng.
- Dư nợ vay: ..... đồng.
- Lãi trả đến ngày kiểm tra:.....đồng

2. Về mục đích sử dụng tiền vay

-.....

-.....

3. Về tình hình thực hiện phương án vay vốn và khả năng trả nợ

a) Tình hình thực hiện phương án vay vốn

.....

.....

b) Khả năng trả nợ

.....

.....

c) Tình hình sử dụng lao động

- Tổng số lao động tại cơ sở:..... người

Trong đó số người lao động tại cơ sở là NCHXAPT:..... người

Chiếm tỷ lệ:.....% số lao động tại cơ sở sản xuất kinh doanh

4. Về tài sản bảo đảm (nếu có).....

STT	**Tên tài sản bảo đảm**	**Số lượng** *(nếu có)*	**Hiện trạng tài sản bảo đảm**	**Ghi chú**

Đánh giá việc tuân thủ các quy định trong việc bảo quản, sử dụng tài sản bảo đảm (nếu có).....

5. Ý kiến của cán bộ kiểm tra

.....

.....

6. Ý kiến của cơ sở sản xuất kinh doanh:

.....

KHÁCH HÀNG VAY VỐN	**CÁN BỘ KIỂM TRA**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

Mẫu số 07/CHXAPT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội.....

I. THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH (SXKD)

1. Tên Doanh nghiệp/Hợp tác xã/Tổ hợp tác/Hộ kinh doanh: .....

.....

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....

3. Điện thoại: ..... Fax: .....

4. Họ và tên người đại diện vay vốn:.....Chức vụ:.....

5. Căn cước/ Căn cước công dân:.....

Ngày cấp:..... nơi cấp:..... Có thời hạn đến.....

6. Nơi thực hiện phương án vay vốn:.....

II. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG LÀ NGƯỜI CHẤP HÀNH XONG ÁN PHẠT TÙ TẠI CƠ SỞ SXKD

STT	Họ và tên người lao động	Số Hợp đồng LĐ (Nếu có)	Ngày ký HĐLĐ (Nếu có)	Loại HĐLĐ (Nếu có)
1				
2				
3				
...				

Tổng số lao động hiện có tại cơ sở SXKD: ..... người, trong đó có:... người lao động là người chấp hành xong án phạt tù (cụ thể danh sách trên) chiếm tỷ lệ:....% tổng số lao động.

Cơ sở sản xuất, kinh doanh chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin kê khai ở trên.

...., ngày....tháng....năm....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 08/CHXAPT
Khách hàng lập
01 liên gửi NH.

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH KỲ HẠN TRẢ NỢ

Kính gửi: Chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch NHCSXH.....

Tên cơ sở sản xuất kinh doanh:.....
Địa chỉ trụ sở chính :.....; Điện thoại liên hệ:.....
Họ và tên người đại diện hoặc được ủy quyền vay vốn:.....
Ông (bà).....Chức vụ.....
Căn cước/Căn cước công dân số:.....
Ngày cấp.....nơi cấp.....Có thời hạn đến:.....
Đã vay tại Chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch NHCSXH .....
.....
Số tiền: ..... (*Bằng chữ*:.....)
Theo Hợp đồng tín dụng số.....ngày...../...../.....
Số tiền đến hạn trả nợ gốc kể từ ngày ...../...../..... là .....đồng.
Số tiền nợ gốc chưa trả được là .....đồng.
Vì lý do:.....
.....
Đề nghị Chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch NHCSXH .....cho phép cơ sở sản xuất, kinh doanh được kéo dài thời hạn trả khoản nợ gốc trên đến ngày..... tháng .....năm.....
Chúng tôi xin cam kết trả nợ đúng hạn trên./.

Ngày.....tháng....năm.....
Khách hàng vay vốn
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

PHÊ DUYỆT CỦA NHCSXH

- Số tiền được điều chỉnh kỳ hạn là .....
- Thời gian điều chỉnh đến ngày ...../...../.....

Ngày.....tháng.....năm.....

CÁN BỘ TÍN DỤNG	TRƯỞNG PHÒNG KH-TD (TỔ TRƯỞNG KH-TD)	GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 10/CHXAPT
KH vay vốn lập: 02 liên
- 01 liên lưu KH;
- 01 liên gửi NH.

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIẢI NGÂN

Lần:.....

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số: ..... ngày ..... tháng .....năm..... ký giữa Chi nhánh/PGD Ngân hàng Chính sách xã hội..... với.....

Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh: .....

Địa chỉ:.....

Họ và tên người đại diện:.....

Chức vụ:.....

Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước số:.....

Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....Có thời hạn đến .....

Văn bản về việc ủy quyền (nếu có): .....

Điện thoại :.....

- Mức vay được duyệt:.....đồng.

(*Bằng chữ*.....)

- Dư nợ đến trước ngày nhận nợ lần này:.....

- Đề nghị Chi nhánh/PGD NHCSXH .....giải ngân cho tôi Số tiền: ..... đồng.

(*Bằng chữ*:.....)

- Mục đích sử dụng vốn vay: .....

.....

- Hình thức giải ngân: Chuyển khoản ☐

Tên người thụ hưởng.....

Số tài khoản.....tại.....

- Giấy đề nghị giải ngân này là phụ lục không tách rời của Hợp đồng tín dụng số..... ngày...../...../.....

....., ngày.....tháng.....năm .....

Khách hàng vay vốn

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHÊ DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG

1. Mức vay được duyệt:.....đồng.
2. Đã giải ngân số tiền.....đồng.
3. Số tiền giải ngân lần này: .....đồng.
4. Để thanh toán.....theo hình thức: chuyển khoản.
5. Tổng số tiền đã giải ngân sau giải ngân lần này là.....đồng./.

....., ngày.....tháng.....năm .....

Cán bộ tín dụng	**Trưởng phòng Kế hoạch – Tín dụng/Tổ trưởng Tổ Kế hoạch – Tín dụng**[1]	**Giám đốc**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

[1]. Lựa chọn chức vụ phù hợp với NHCSXH nơi cho vay

Mẫu số 14/CHXAPT
Lập 02 liên: 01 liên lưu ngân hàng, 01 liên giao khách hàng

NHCSXH TỈNH/TP.....
PGD .....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

THÔNG BÁO
CHUYỂN NỢ QUÁ HẠN

Kính gửi: .....[1]

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số ..... ngày .... tháng .... năm ..... giữa Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội ..... với cơ sở sản xuất kinh doanh .....

Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội .... thông báo:

- Số nợ gốc đã chuyển nợ quá hạn: .....đồng

(Bằng chữ: .....)

- Ngày chuyển nợ quá hạn: ...../...../.....
- Lãi suất nợ quá hạn: .....%/năm.
- Lý do chuyển nợ quá hạn: .....

.....

Yêu cầu khách hàng trả số tiền nợ quá hạn nêu trên cho Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội..... Trường hợp trả nợ bằng chuyển khoản, đề nghị khách hàng chuyển về:

- Đơn vị thụ hưởng (*tên tài khoản Bên cho vay*): .....
- Số tài khoản:.....
- Mở tại:.....
- Nội dung: trả nợ gốc quá hạn, lãi quá hạn phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số ..... ngày.....tháng ..... năm 20....

Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội..... yêu cầu khách hàng thực hiện trả nợ./.

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

---

[1] Tên cơ sở sản xuất kinh doanh. Thông báo được đánh máy, in

CN NHCSXH (tỉnh, TP)...
PGD .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 15/CHXAPT
NH lập: 02 liên
- 01 liên gửi KH;
- 01 liên lưu NH.

....., ngày .....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO CHẤM DỨT CHO VAY

Kính gửi: .....
Địa chỉ.....

Ngày.....tháng.....năm....., Chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch NHCSXH ..... và khách hàng vay vốn là .....đã ký Hợp đồng tín dụng/Sổ vay vốn[1] ngày...../...../..... để.....:

Mức duyệt cho vay:.....đồng, đã giải ngân số tiền là..... đồng và dư nợ đến ngày...../...../..... là .....đồng.

Chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch NHCSXH ..... thông báo chấm dứt cho vay đối với khách hàng vay vốn là.....do đã vi phạm cam kết trong Hợp đồng tín dụng/Sổ vay vốn ngày...../...../....., theo biên bản kiểm tra ngày ...../...../.....kèm theo, cụ thể:

- .....
- .....
- .....

Trong thời gian tối đa 03 tháng kể từ ngày thông báo, Quý khách hàng phải thực hiện trả nợ trước hạn, nếu không thực hiện trả nợ, Chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch NHCSXH..... thực hiện chuyển nợ quá hạn số tiền nêu trên.

Chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch NHCSXH .....thông báo để Quý khách hàng được biết./.

GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

[1] Tùy theo hình thức Hợp đồng tín dụng/Sổ vay vốn để điền cho phù hợp

Cơ quan phát hành: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 44/2026/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thi hành án hình sự số 127/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị định số 247/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thi hành án hình sự về công tác tái hòa nhập cộng đồng;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

"Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về chính sách tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù, cơ sở sản xuất kinh doanh có sử dụng người lao động là người chấp hành xong án phạt tù được vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội, bao gồm:

1. Người chấp hành xong án phạt tù được vay vốn để đào tạo nghề, sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm và đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

2. Cơ sở sản xuất kinh doanh có sử dụng người lao động là người chấp hành xong án phạt tù được vay vốn để sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm."

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

a) Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 3 như sau:

"a) Người chấp hành xong án phạt tù: Có nhu cầu vay vốn; có tên trong danh sách người chấp hành xong án phạt tù về cư trú tại địa phương, chấp hành tốt các quy định của pháp luật, không tham gia các tệ nạn xã hội, do Công an cấp xã lập và được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận theo Mẫu số 01 kèm theo Quyết định này. Thời gian kể từ khi chấp hành xong án phạt tù đến thời điểm vay vốn tối đa là 10 năm. Trường hợp vay vốn để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thì người chấp hành xong án phạt tù đã ký kết hợp đồng với doanh nghiệp dịch vụ, đơn vị sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo quy định của pháp luật";

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 3 như sau:

"3. Trường hợp người chấp hành xong án phạt tù và cơ sở sản xuất kinh doanh đang có dư nợ các chương trình tín dụng khác có cùng mục đích sử dụng vốn vay để đào tạo nghề và sản xuất kinh doanh, tạo việc làm thì tổng dư nợ cho vay của người chấp hành xong án phạt tù, cơ sở sản xuất kinh doanh theo Quyết định này và các chương trình tín dụng khác có cùng mục đích không vượt quá mức cho vay tối đa theo quy định tại Quyết định này".

3. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 4 như sau:

"1. Đối với người chấp hành xong án phạt tù

a) Thực hiện phương thức cho vay thông qua hộ gia đình. Đại diện hộ gia đình của người chấp hành xong án phạt tù là người đứng tên vay vốn và giao dịch với Ngân hàng Chính sách xã hội. Trường hợp trong hộ gia đình không còn thành viên nào từ đủ 18 tuổi trở lên hoặc thành viên còn lại không còn sức lao động, không có đủ năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật thì người chấp hành xong án phạt tù trực tiếp đứng tên vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

Riêng đối với người chấp hành xong án phạt tù là người lao động vay vốn để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, Ngân hàng Chính sách xã hội áp dụng phương thức cho vay trực tiếp đến khách hàng".

4. Bổ sung khoản 3 Điều 5 như sau:

"3. Đối với vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động

Chi trả các khoản chi phí khách hàng phải trả trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo quy định được ghi trong hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài ký kết giữa khách hàng và doanh nghiệp dịch vụ, đơn vị sự nghiệp được Nhà nước cho phép đưa người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng".

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 như sau:

"1. Đối với vay vốn để đào tạo nghề

Mức vốn cho vay tối đa là 10 triệu đồng/tháng/người chấp hành xong án phạt tù".

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6 như sau:

"2. Đối với vay vốn để sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm

a) Người chấp hành xong án phạt tù: Mức vốn cho vay tối đa là 200 triệu/người chấp hành xong án phạt tù;

b) Cơ sở sản xuất kinh doanh: Mức vốn cho vay tối đa là 10 tỷ đồng/dự án và không quá 200 triệu đồng/người lao động tại cơ sở sản xuất kinh doanh;

c) Người chấp hành xong án phạt tù, cơ sở sản xuất kinh doanh có thể vay vốn một hoặc nhiều lần để sản xuất, kinh doanh và tạo việc làm nhưng tổng số tiền vay không vượt quá mức vay tối đa theo quy định tại điểm a và b khoản này".

c) Bổ sung khoản 3 Điều 6 như sau:

"3. Đối với vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

Mức cho vay tối đa là 100% tổng chi phí khách hàng phải trả trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài ký kết giữa người lao động và doanh nghiệp dịch vụ, đơn vị sự nghiệp, không bao gồm các khoản chi đã được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định.

Căn cứ vào nguồn vốn, tổng chi phí người lao động phải trả trước khi đi làm việc ở nước ngoài, các khoản chi đã được ngân sách nhà nước hỗ trợ kê khai tại hồ sơ vay vốn và khả năng trả nợ của đối tượng vay vốn, Ngân hàng Chính sách xã hội thỏa thuận, thống nhất với đối tượng vay vốn để xem xét, quyết định mức vay cụ thể".

6. Bổ sung khoản 3 Điều 8 như sau:

"3. Đối với vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

Thời hạn cho vay tối đa bằng thời hạn hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, không bao gồm thời gian gia hạn hợp đồng".

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10 như sau:

"Điều 10. Bảo đảm tiền vay

2. Đối với mức vay trên 200 triệu đồng, người chấp hành xong án phạt tù vay vốn để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng lao động là người chấp hành xong án phạt tù phải thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật và Ngân hàng Chính sách xã hội về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ".

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

"Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Khách hàng vay vốn có trách nhiệm sử dụng vốn vay đúng mục đích và trả nợ vay đầy đủ, đúng hạn cho Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Bộ Công an

a) Chỉ đạo các cơ sở giam giữ phạm nhân tổ chức việc tuyên truyền, phổ biến chính sách tại Quyết định này;

b) Chỉ đạo Công an các địa phương phối hợp với các sở, ban, ngành và các cơ quan liên quan tại địa phương tham mưu Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người chấp hành xong án phạt tù và cơ sở sản xuất kinh doanh có sử dụng người lao động là người chấp hành xong án phạt tù. Phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng Chính sách xã hội trong quá trình giám sát vốn vay và thu hồi nợ;

c) Chỉ đạo Công an cấp xã định kỳ vào ngày 05 hằng tháng lập và cung cấp danh sách người chấp hành xong án phạt tù có nhu cầu và đủ điều kiện vay vốn và được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận (theo Mẫu số 01 kèm theo Quyết định này) chuyển cho Ngân hàng Chính sách xã hội làm căn cứ cho vay;

d) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan và Ngân hàng Chính sách xã hội trong việc tổ chức, thực hiện Quyết định này; đề xuất xử lý các vấn đề phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện và sửa đổi, bổ sung Quyết định này (nếu thấy cần thiết).

3. Bộ Quốc phòng

Chỉ đạo các cơ sở giam giữ phạm nhân thuộc Bộ Quốc phòng tổ chức việc tuyên truyền chính sách tại Quyết định này.

4. Ngân hàng Chính sách xã hội

a) Hướng dẫn các nội dung tại Điều 13 Quyết định này;

b) Quản lý, huy động và sử dụng nguồn vốn, thực hiện cho vay đúng đối tượng, điều kiện theo quy định của Quyết định này;

c) Phối hợp với các bộ, ngành báo cáo cấp có thẩm quyền để kịp thời xử lý những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện cho vay theo quy định tại Quyết định này.

5. Các bộ, cơ quan ngang bộ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Ngân hàng Chính sách xã hội trong quá trình tổ chức thực hiện Quyết định này.

6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, xã

a) Hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo, đề nghị Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định để cho vay theo Quyết định này;

b) Chỉ đạo các sở, ban, ngành, các đơn vị liên quan trình cấp có thẩm quyền phê duyệt cấp ngân sách địa phương hàng năm ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc xác nhận về đối tượng và điều kiện thụ hưởng chính sách quy định tại Điều 3 Quyết định này theo đề nghị của Công an cấp xã;

d) Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội tuyên truyền chính sách, tổ chức, giám sát triển khai thực hiện Quyết định này".

7. Sửa đổi Mẫu số 01, Mẫu số 02 ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp

1. Khách hàng vay vốn đã ký hợp đồng tín dụng theo Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì các bên tiếp tục thực hiện theo các nội dung quy định trong hợp đồng tín dụng đã ký.

2. Trường hợp khách hàng vay vốn đã được vay vốn theo Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg nếu đủ điều kiện, có nhu cầu thì tiếp tục được vay vốn với mức vốn cho vay theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 11 năm 2026.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b). M.Cường 15

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Nguyễn Văn Thắng

Phụ lục

(Kèm theo Quyết định số 44/2026/QĐ-TTg ngày 16 tháng 9 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

Mẫu số 01	Danh sách người chấp hành xong án phạt tù có nhu cầu và đủ điều kiện vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội
Mẫu số 02	Phương án vay vốn (Của cơ sở sản xuất kinh doanh có sử dụng lao động là người chấp hành xong án phạt tù)

Mẫu số 01

CÔNG AN TỈNH/TP .....([1])
CÔNG AN XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU .....([2])

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

DANH SÁCH
Người chấp hành xong án phạt tù có nhu cầu và đủ điều kiện vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội

STT	Họ và tên	Giới tính *(1: Nam, 2: Nữ)*	Ngày, tháng, năm sinh	Căn cước công dân([3])	Ngày, tháng, năm chấp hành xong án phạt tù	Địa chỉ cư trú ([4])
1	Nguyễn Văn A					
2	Trần Văn B					
3	Nguyễn Thị C					
4	.....					
...	.....					
Tổng cộng:						

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG CÔNG AN .....([2])
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN ..... ([2])
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

---

[1] Công an tỉnh, thành phố.
[2] Tên xã, phường, đặc khu nơi người chấp hành xong án phạt tù cư trú.
[3] Ghi rõ số, ngày cấp, nơi cấp.
[4] Ghi rõ địa chỉ cụ thể: Số nhà; đường phố, xóm; thôn/tổ dân phố; xã, phường, đặc khu; tỉnh, thành phố nơi người chấp hành xong án phạt tù đang cư trú.

Mẫu số 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN VAY VỐN
(Của cơ sở sản xuất kinh doanh có sử dụng lao động là người chấp hành xong án phạt tù)

Kính gửi:

- Chi nhánh/PGD Ngân hàng Chính sách xã hội .....([1])
- Ủy ban nhân dân:..... ([2])

.....([3]) trình bày/báo cáo về phương án vay vốn có sử dụng lao động là người chấp hành xong án phạt tù, sau đây:

I. THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH

1. Tên Doanh nghiệp/Hợp tác xã/Tổ hợp tác/Hộ kinh doanh: .....

.....

.....

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....

.....

3. Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: .....

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số:

Ngày cấp: ..... Cơ quan cấp: .....

Hoặc hợp đồng hợp tác số: .....

5. Họ và tên người đại diện: ..... Chức vụ: .....

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số: .....

Ngày cấp: .....Nơi cấp: .....

Quyết định bổ nhiệm số: ..... Ngày: ..... Do: .....quyết định

Hoặc giấy ủy quyền số: .....Ngày: ..... Do: .....ủy quyền

---

[1] Tên chi nhánh/phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay.

[2] Tên Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu nơi cơ sở sản xuất kinh doanh có phương án.

[3] Tên doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh có sử dụng lao động là người chấp hành xong án phạt tù.

6. Mã số thuế: .....

7. Vốn điều lệ/Vốn góp/Vốn tự có: ..... đồng.

II. THÔNG TIN VỀ PHƯƠNG ÁN VAY VỐN

1. Nội dung phương án vay vốn:

- Mở rộng, cải tạo nhà xưởng, kho bãi:

+ Diện tích mở rộng, cải tạo: .....

+ Chi phí mở rộng, cải tạo: .....

- Đầu tư trang thiết bị:

+ Máy móc, thiết bị (chủng loại, số lượng, giá trị): .....

+ Phương tiện (chủng loại, số lượng, giá trị): .....

- Đầu tư vốn lưu động: Vật tư, nguyên, nhiên liệu, hàng hóa, dịch vụ (chủng loại, số lượng, giá trị): .....

- Thời gian thực hiện: Từ tháng.....năm.....đến tháng ..... năm .....

2. Phương án sử dụng lao động:

Tổng số lao động:.....người, trong đó:

- Số người lao động là người chấp hành xong án phạt tù:.....người.

3. Tổng nguồn vốn thực hiện phương án:

Tổng số:..... đồng *(Bằng chữ: ..... đồng)*. Trong đó,

- Vốn tự có:..... đồng

- Vốn vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội:..... đồng.

III. ĐỀ NGHỊ VAY VỐN

1. Đề nghị Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay vốn.

Số tiền: .....đồng.

(Bằng chữ: .....).

2. Mục đích sử dụng vốn vay như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn vay	Số lượng	Thành tiền (đồng)
1			
2			
3			
...			
...			

3. Thời hạn vay vốn: ..... tháng.

4. Nguồn tiền trả nợ ngân hàng:

- Từ khấu hao: ..... đồng;

- Lợi nhuận và các nguồn khác: ..... đồng;

5. Dự kiến tổng số tiền trả nợ một năm:..... đồng, trong đó:

- Trả nợ gốc: ..... đồng;

- Trả lãi: ..... đồng.

6. Tài sản bảo đảm tiền vay (nếu có)

STT	Tên tài sản	Số lượng	Giá trị ước tính *(đồng)*	Giấy tờ về tài sản
1				
2				
3				

IV. CAM KẾT SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

.....([3]) cam kết sử dụng thường xuyên tối thiểu 10% số lao động là người chấp hành xong án phạt tù. Trường hợp cơ sở sản xuất kinh doanh không sử dụng lao động là người chấp hành xong án phạt tù hoặc sử dụng không đủ số lượng lao động là người chấp hành xong án phạt tù thì cơ sở sản xuất kinh doanh có trách nhiệm hoàn trả hoặc không được tiếp cận nguồn vốn vay này.

Tôi xin cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đúng thời hạn, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN
.....([2])
Cơ sở sản xuất kinh doanh.....
.....
có phương án được thực hiện tại địa phương.
....., ngày .....tháng ..... năm .....
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

....., ngày ... tháng ... năm ...
NGƯỜI ĐẠI DIỆN
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)